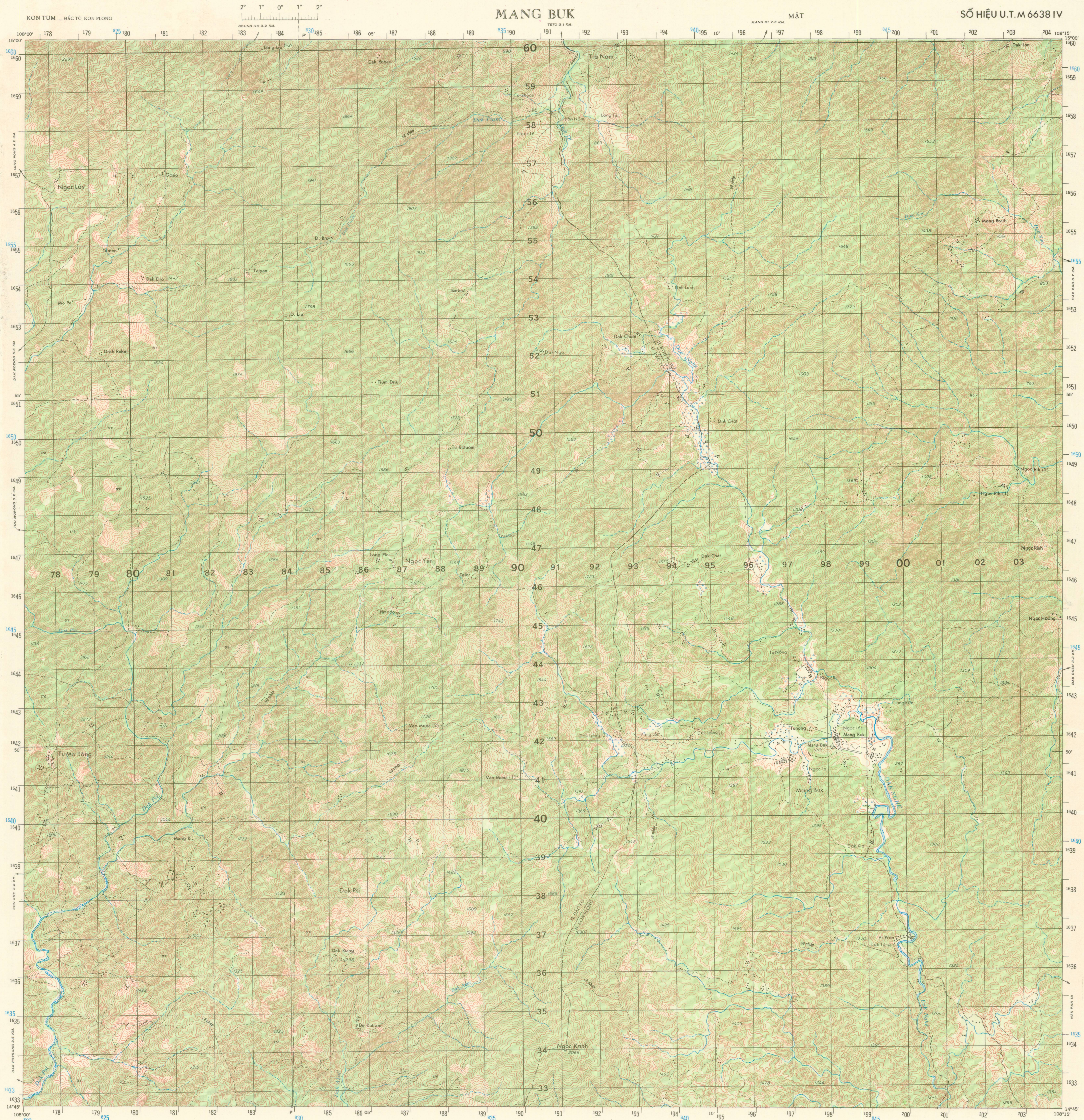




CỤC BẢN ĐỒ — BỘ TỔNG THAM MƯU — XÍ NGHIỆP BẢN ĐỒ II DÀ LẠT

Tài bản lần thứ hai, lại Đại lai năm 1992 theo tài liệu

1 — 1:50.000 U.T.M in năm 1986

2 — Địa danh, ranh giới hành chính theo tài liệu năm 1991

Chú ý: Độ cao chưa được kiểm tra ở thực địa

ĐỘ LỆCH TỪ ĐO NĂM 1970

GÓC ĐỘ	LY GIÁC
0°44'	0-12 0-13
0°16'	0-04 0-05
1°00'	0-17 0-18
0°16'	0-04 0-05
0°32'	0-09 0-08
0°48'	0-13 0-14

MŨI 48

MŨI 49

1:50.000

1cm bằng 500m thực địa

Khả năng cao độ đường bình độ cơ bản là 20m

E-LIP QUẢ ĐẤT Ế-VƠ RẾT, CHIỀU HÌNH U.T.M, MŨI 49

GỐC ĐAI ĐỊA AN ĐỘ 1960. GỐC ĐỘ CAO HÀ TIỀN

CHÚ Ý: Các mốc đến người khùng và số tọa độ xanh là lưới ô vuông Mũi 48

Đường sắt rộng 1m

Đường sắt rộng 1m45

Đường sắt lồng 1m và 1m45

Đường ga, đường xe điện

Đường sắt đang làm hoặc bốc ray

Đường hầm

Đường sắt và nhà ga

Đường rơ trong ga

Đường ô tô lớn

Đường quốc lộ. Tên đường. Tính chất rải mặt

Lên tỉnh lộ, tỉnh lộ. Tên đường. Tính chất rải mặt

Đường ô tô không rải mặt. Độ rộng mặt đường

Đường ô tô đang làm

Đường đất nhỏ

Đường mòn

Đường đắp cao, và sâu

Đã ô tô không đi được

Biên giới nước. Cột mốc

Địa giới tỉnh, thành phố

Địa giới quận, huyện, thị xã

Địa giới xã, thị trấn

Các loại ranh giới khác

Tường và công thành

Các loại tường vây

Khu phố nhà gạch

Khu phố nhà lá

Khu phố bị phá hoại

Làng, xóm, bản

Nhà dệt xuất

Nhà máy có ống khói, không có ống khói

Ông khởi nhà máy. Trạm thu phát tín hiệu

Trạm phát điện. Trạm thu phát tín hiệu

Trạm phát điện, bản thể điện. Lò nung

Tháp cổ cao. Tháp đá

Sân vận động. Sân kho hợp tác xã

Nghĩa trang, nghĩa địa

Tượng đài, bia. Hàng

Nhà thờ, đình, chùa lớn

Nhà thờ, đình, chùa nhỏ

Trường học. Bệnh viện

Chợ. Lò cốt

Kho nhiên liệu. Đài độc lập

Cây độc lập. Đám cây có ý nghĩa phương vị

Sân bay cấp 1, 2, 3, cấp 4

Hầm mỏ: Đang khai thác; ngừng khai thác

Mỏ lộ thiên

Độ cao: Đã kiểm tra, chưa kiểm tra

Trụ sở U. B. N. D xã, thị trấn, huyện, quận, tỉnh, thành phố

Đường dây điện cao thế

Đường ống dẫn nước, dầu, khí

Giếng nước. Nguồn nước

Rừng nước

Khu vực sông chảy ngầm

Mương có bờ đắp 2 bên, 1 bên

Sông có bờ nước quanh năm

Sông có bờ nước từng mùa

Độc động lặn bờ

Độc động xa bờ

Hướng nước chảy

Cầu tầng ô tô đi trên

Cầu đường sắt và đường ô tô đi chung

Cầu đường sắt và đường ô tô đi sắt nhau

Ngập ô tô qua được

Bến phà

Bến đò

Thác

Chính

Đập ô tô qua được

Đập ô tô không qua được

Ấu thuyền

Cầu, cống

Bãi cát, sỏi, cuội

Bãi bùn

Bãi đá lồi thềm

Bờ có gờ có

Kê chắn nước. Cầu tàu kiểu đá

Bến tàu thuyền, chỗ bỏ neo

Đàn bắn

Chỗ thả dìm

Đá nhô trên mặt nước. Đá ngầm

Đá lúc nhô lên, lúc ngầm. Sân bãi

Đường bình độ sâu. Đầm độ sâu

Rừng già

Rừng thưa, bụi rậm

Rừng người trồng cao trên đèo

Rừng người trồng từ 4m trở xuống

Rừng lưa

Hoa màu

Bãi cát, sỏi trên cạn

Bãi đá tảng

Núi đất

Núi đá:

Và bằng đường bình độ

Và bằng nét chữ tượng trưng